

Số: 184/KH-UBND

Đắk Nông, ngày 25 tháng 3 năm 2025

KẾ HOẠCH
VỀ TIẾN ĐỘ GIẢI NGÂN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025

Để đảm bảo thực hiện hoàn thành mục tiêu giải ngân kế hoạch đầu tư công năm 2025 theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, góp phần thực hiện mục tiêu tăng trưởng GRDP năm 2025 của tỉnh trên 8% và hiện thực hóa các quan điểm, mục tiêu, các chỉ tiêu, nhiệm vụ trọng tâm và các đột phá chiến lược trong nhiệm kỳ đã được đề ra tại Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025.

Trên cơ sở tổng hợp, đề xuất của Sở Tài chính tại Công văn số 69/STC-TH&QLNS ngày 11/3/2025, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch về tiến độ giải ngân vốn đầu tư công năm 2025, cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU

Nhiệm vụ giải ngân vốn đầu tư công năm 2025 đã được quán triệt, xác định là một trong những nhiệm vụ chính trị trọng tâm hàng đầu cần ưu tiên tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện ở tất cả các cấp, các ngành. Do đó phải nỗ lực, quyết tâm, quyết liệt với tinh thần cao nhất để đảm bảo hoàn thành mục tiêu giải ngân 100% kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 (bao gồm kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 chuyển sang năm 2025); không để Trung ương cắt giảm vốn hoặc bị hủy dự toán, phấn đấu kết quả thực hiện như sau:

- Đến hết Quý II/2025, giải ngân đạt ít nhất 40% kế hoạch vốn được giao.
- Đến hết Quý III/2025, giải ngân đạt ít nhất 60% kế hoạch vốn được giao.
- Đến hết Quý IV/2025, giải ngân đạt ít nhất 90% kế hoạch vốn được giao (đối với vốn năm 2024 chuyển sang năm 2025 phải đạt 100%).
- Đến 31/01/2026, tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công đạt 100% kế hoạch.

II. NỘI DUNG

Ban hành Kế hoạch về tiến độ giải ngân chi tiết theo từng tháng của từng dự án được giao kế hoạch vốn đầu tư công 2025 tính từ tháng 06/2025 (*Chi tiết theo Phụ lục đính kèm*), trong đó cần chú ý:

- Tập trung đẩy nhanh tiến độ thực hiện của các dự án để đảm bảo giải ngân hết 100% kế hoạch vốn được giao năm 2025 (bao gồm kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 chuyển sang năm 2025). Ngay khi có khối lượng, khẩn trương tổ chức

nghiệm thu, hoàn thiện hồ sơ, thủ tục gửi cơ quan kiểm soát chi thực hiện thanh toán ngay, không để dồn vào thời điểm cuối năm. Việc đẩy nhanh tiến độ phải gắn với đảm bảo chất lượng công trình, dự án, không để xảy ra tiêu cực, thất thoát, lãng phí.

- Thực hiện nghiêm công tác tạm ứng vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước theo đúng chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 1508/UBND-KT ngày 14/3/2025.

- Trường hợp không giải ngân hết kế hoạch đầu tư công được giao mà không có lý do bất khả kháng, không kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền, UBND tỉnh sẽ xem xét, xử lý nghiêm trách nhiệm của tổ chức, cá nhân có liên quan.

- Nghiêm chỉnh chấp hành chế độ báo cáo định kỳ theo đúng chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 7646/UBND-KT ngày 12/12/2024.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cơ quan, đơn vị, địa phương, các chủ đầu tư:

- Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công năm 2025 theo chỉ đạo tại Công văn số 7646/UBND-KT ngày 12/12/2024 của UBND tỉnh về việc thực hiện và tăng cường quản lý kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước năm 2025; tại Chỉ thị số 01/CT-UBND ngày 06/01/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế trên địa bàn tỉnh Đắk Nông năm 2025; kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh tại Hội nghị triển khai thực hiện nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia và đẩy mạnh giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 (Văn phòng UBND tỉnh đã thông báo nội dung tại Văn bản số 332/TB-VPUBND ngày 26/02/2025),... nhằm đảm bảo giải ngân đúng tiến độ theo từng tháng đến từng dự án được ban hành kèm theo Kế hoạch này.

- Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương phải đề cao trách nhiệm, sát sao, cụ thể, nắm chắc tình hình, nhận diện rõ các khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân chậm giải ngân của từng dự án cụ thể để trực tiếp chỉ đạo tháo gỡ kịp thời.

- Xây dựng ngay kế hoạch giải ngân chi tiết đến từng dự án và tuân thủ nghiêm kế hoạch giải ngân theo từng tháng; trong đó, cần xác định rõ mốc thời gian hoàn thành của từng công việc đảm bảo giải ngân đúng kế hoạch đề ra.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát hiện trường; đôn đốc, động viên nhà thầu thi công bổ sung nhân lực, máy móc thiết bị trên công trường, tranh thủ thời tiết thuận lợi, có biện pháp thi công nhịp nhàng, khoa học, đồng thời trên nhiều vị trí theo nguyên tắc cuốn chiếu, làm đến đâu dứt điểm đến đó.

- Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương để rà soát, xây dựng kế hoạch giải phóng mặt bằng từ dự án cụ thể, xác định rõ mốc thời gian hoàn thành từng nhiệm vụ theo đúng quy trình được pháp luật quy định. Có biện pháp xử lý kiên quyết đối với các trường hợp cố tình cản trở việc tổ chức thực hiện giải

phóng mặt bằng. Ngoài ra, chủ động nghiên cứu, đề xuất cấp có thẩm quyền các phương án giải phóng mặt bằng tối ưu, đảm bảo hài hòa lợi ích của Nhà nước và người dân.

- Tiếp tục nghiên cứu để thực hiện sắp xếp tổ chức, phân công nhân sự, nhiệm vụ hợp lý, khoa học; kịp thời thay thế, điều chuyển, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm, làm việc cầm chừng, né tránh, đùn đẩy, sợ trách nhiệm làm chậm tiến độ thực hiện dự án, giải ngân vốn, không đáp ứng yêu cầu công việc được giao; đồng thời, nâng cao trách nhiệm trong việc phối hợp tốt hơn với các sở, ngành, địa phương trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Chịu trách nhiệm toàn diện trước UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh về kết quả giải ngân vốn đầu tư công của cơ quan, đơn vị, địa phương mình.

2. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương và các chủ đầu tư:

- Thường xuyên theo dõi, chủ động đôn đốc, kiểm tra tiến độ giải ngân của các chủ đầu tư theo Kế hoạch này; tổng hợp, báo cáo tình hình thực hiện theo tiến độ đã cam kết của các chủ đầu tư định kỳ theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 7646/UBND-KT ngày 12/12/2024, đề nghị của Văn phòng UBND tỉnh tại Công văn số 40/VPUBND-KT ngày 07/01/2025.

- Chủ động tham mưu UBND tỉnh xem xét điều chỉnh kế hoạch vốn của các dự án có tỷ lệ giải ngân thấp, không đảm bảo cam kết để bổ sung cho các dự án có kết quả giải ngân tốt, có nhu cầu bổ sung vốn để đầu tư hoàn thành sớm đưa vào sử dụng.

- Theo dõi thường xuyên tiến độ thu tiền xổ số kiến thiết, sử dụng đất trên địa bàn tỉnh; kịp thời nhập Tabmis cho các dự án; dự báo khả năng thu của các nguồn vốn này để báo cáo, đề xuất UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo điều hành.

3. Kho bạc Nhà nước khu vực XIV thực hiện quy trình kiểm soát chi đúng quy định, tạo điều kiện thuận lợi cho các chủ đầu tư trong việc thanh toán và hoàn ứng vốn đầu tư; phối hợp chặt chẽ với Sở Tài chính để thực hiện báo cáo định kỳ hàng tuần, hàng tháng về kết quả giải ngân vốn đầu tư công năm 2025.

4. Các Sở: Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường chủ động, tăng cường triển khai công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát các công trình, dự án theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao và chịu trách nhiệm về tiến độ thực hiện, chất lượng công trình theo quy định.

5. Giao Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh): Trên cơ sở báo cáo của Sở Tài chính về kết quả thực hiện giải ngân vốn đầu tư công năm 2025 của các đơn vị theo Kế hoạch này, xem xét đánh giá, bình xét thu đua khen thưởng cuối năm của tập thể, người đứng đầu và các cá nhân có liên quan trường hợp giải ngân không đúng tiến độ đề ra.

6. Yêu cầu các sở, ban, ngành, địa phương tăng cường, chủ động hơn nữa

trong công tác phối hợp giữa các đơn vị, chủ động hướng dẫn, xử lý kịp thời những nhiệm vụ thuộc chức năng, nhiệm vụ đã được phân công, khắc phục tình trạng né tránh, đùn đẩy trách nhiệm trong tổ chức thực hiện; trường hợp vượt thẩm quyền, kịp thời tổng hợp, báo cáo, đề xuất UBND tỉnh xem xét, xử lý theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch về tiến độ giải ngân vốn đầu tư công năm 2025, yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương và các chủ đầu tư thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các nội dung của Kế hoạch này. /.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể;
- Các Huyện ủy, Thành ủy;
- UBND các huyện, Tp. Gia Nghĩa;
- Các chủ đầu tư;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT.



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Trọng Yên

KẾ HOẠCH VỀ TIỀN ĐỘ GIẢI NGÂN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025

(Kèm theo Kế hoạch số 184 /KH-UBND ngày 25 tháng 3 năm 2025 của UBND tỉnh Đắk Nông)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án/ Chủ đầu tư/ Đơn vị quản lý	Kế hoạch vốn năm 2025 (Bao gồm vốn kéo dài năm 2024 sang năm 2025)	Cam kết tiến độ giải ngân kế hoạch vốn được giao đến ngày 31/01/2026														Ghi chú		
			Lũy kế đến ngày 30/6/2025		Lũy kế đến ngày 31/7/2025		Lũy kế đến ngày 31/8/2025		Lũy kế đến ngày 30/9/2025		Lũy kế đến ngày 31/10/2025		Lũy kế đến ngày 30/11/2025		Lũy kế đến ngày 31/12/2025			Lũy kế đến ngày 31/01/2026	
			Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)		Giá trị	Tỷ lệ (%)
I	CÔNG AN TỈNH	918																	
1.1	Sửa chữa, cải tạo, xây dựng nhà ở doanh trại và nhà làm việc nghiệp vụ cảnh sát	918	918	100%															
II	BỘ CHỈ HUY QUÂN SỰ TỈNH	3.235																	
1.1	Doanh trại cơ quan quân sự thị xã Gia Nghĩa	738	738	100%															
1.2	Xây dựng thao trường huấn luyện, diễn tập theo tiêu chí 3 trong 1 của Bộ Quốc phòng tại căn cứ chiến đấu của huyện Tuy Đức	630	630	100%															
1.3	Đường hầm Sở chỉ huy cơ bản huyện Tuy Đức	1.548	1.548	100%															
1.4	Nâng cấp, cải tạo Bệnh xá Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	295	295	100%															
1.5	Nâng cấp, cải tạo Sở Chỉ huy Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	24	24	100%															
III	BỘ CHỈ HUY BỘ ĐỘI BIÊN PHÒNG TỈNH	1.500																	
1.1	Nâng cấp, cải tạo, sửa chữa đường vào đồn Biên phòng Đắk Mбай (757) và đường vào Đồn Biên phòng Đắk Lao (759)	1.500	1.500	100%															
IV	THÀNH PHỐ GIA NGHĨA	210.336																	
1.1	Phân cấp cho địa phương	20.209	20.209	100%															
1.2	Di dời tái định cư cho 212 hộ dân ở khu vực trung tâm thành phố Gia Nghĩa	100.635	60.381	60%	60.381	60%	80.508	80%	80.508	80%	80.508	80%	90.571	90%	100.635	100%			
1.3	Tiểu hoa viên cây xanh tại Khu Trung tâm thương mại Gia Nghĩa	1.358	1.358	100%															
1.4	Đường tổ dân phố 2, phường Nghĩa Tân (đoạn từ đường Quang Trung đến đường Trần Hưng Đạo), thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông	2.308	2.308	100%															
1.5	Nâng cấp, mở rộng đường Lê Thánh Tông, thành phố Gia Nghĩa	6.100	4.270	70%	4.270	70%	4.270	70%	4.880	80%	4.880	80%	4.880	80%	6.100	100%			
1.6	Đường Lê Hồng Phong nối đường tránh thành phố Gia Nghĩa	2.322	1.625	70,0%	1.625	70,0%	1.625	70,0%	1.858	80%	1.858	80%	1.858	80%	1.858	80%	2.322	100%	
1.7	Hội trường đa năng và phòng họp trực tuyến thuộc trụ sở làm việc HĐND-UBND thành phố Gia Nghĩa	1.000	1.000	100%															
1.8	Trụ sở làm việc Đảng ủy, HĐND và UBND phường Nghĩa Đức, thành phố Gia Nghĩa	1.000	1.000	100%															
1.9	Ổn định dân di cư tự do xã Quảng Thành, thị xã Gia Nghĩa	904	904	100%															
1.10	Đường Tôn Đức Thắng nối 2 trục Bắc Nam	74.500	44.700	60%	46.190	62%	49.170	66%	50.660	68%	52.150	70%	59.600	80%	74.500	100%			
V	HUYỆN ĐẮK SONG	72.006																	
1.1	Phân cấp cho địa phương	14.634	14.634	100%															
1.2	Trung tâm thông tin Công viên địa chất huyện Đắk Song	800	800	100%															
1.3	Nâng cấp các tuyến đường giao thông thị trấn Đức An kết nối với xã Nam Bình huyện Đắk Song	4.000	4.000	100%															

STT	Danh mục dự án/ Chủ đầu tư/ Đơn vị quản lý	Kế hoạch vốn năm 2025 (Bao gồm vốn kéo dài năm 2024 sang năm 2025)	Cam kết tiến độ giải ngân kế hoạch vốn được giao đến ngày 31/01/2026														Ghi chú		
			Lũy kế đến ngày 30/6/2025		Lũy kế đến ngày 31/7/2025		Lũy kế đến ngày 31/8/2025		Lũy kế đến ngày 30/9/2025		Lũy kế đến ngày 31/10/2025		Lũy kế đến ngày 30/11/2025		Lũy kế đến ngày 31/12/2025			Lũy kế đến ngày 31/01/2026	
			Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)		Giá trị	Tỷ lệ (%)
1.4	Nâng cấp đường giao thông liên xã Nam Bình - Thuận Hạnh huyện Đắk Song	1.000	1.000	100%															
1.5	Trụ sở làm việc Đảng ủy - Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã Đắk N'Drung	200	200	100%															
1.6	Trụ sở làm việc Đảng ủy - HDND & UBND xã Thuận Hà	1.200	1.200	100%															
1.7	Trụ sở làm việc Đảng ủy - HDND & UBND xã Thuận Hạnh	1.200																	
1.8	Đường giao thông từ trung tâm huyện Đắk Song đi xã Thuận Hà và xã Đắk N'Drung	28.482	19.937	70%	19.937	70%	19.937	70%	19.937	70%	24.210	85%	25.634	90%	28.482	100%			
1.9	Đường ven hồ Đắk R'Lon thị trấn Đức An đi xã Nam Bình huyện Đắk Song	20.490	12.294	60%	12.294	60%	12.294	60%	12.294	60%	17.417	0,85	18.441	90%	20.490	100%			
VI	HUYỆN ĐẮK MIL	131.428																	
1.1	Phân cấp cho địa phương	17.105	17.105	100%															
1.1	Nâng cấp đường Đắk R'La đi Long Sơn	7.588	7.588	100%															
1.2	Đường giao thông từ tỉnh lộ 2 qua trung tâm UBND xã Đắk Sắk nối tỉnh lộ 3 xã Đắk Sắk, huyện Đắk Mil	662	662	100%															
1.3	Đường giao thông từ cửa khẩu Đắk Per, xã Thuận An đi tỉnh lộ (ĐT.683) xã Đức Minh, huyện Đắk Mil (giai đoạn 1)	2.000	2.000	100%															
1.4	Đường giao thông liên xã Đắk R'La đi xã Đắk N'Drót, huyện Đắk Mil	5.500	3.850	70%	4.950	90%	3.850	100%											
1.5	Đường liên xã Đức Minh - Thuận An, huyện Đắk Mil	11.008	11.008	100%															
1.6	Đường liên xã Đức Mạnh - Đức Minh - Đắk Sắk (Từ quốc lộ 14 đi tỉnh lộ 682)	1.500	1.500	100%															
1.7	Trụ sở làm việc UBND xã Đức Minh	4.000	4.000	100%															
1.8	Cải tạo nhà ngục Đắk Mil	364,58	365	100%															
1.9	Đường giao thông xã Đức Minh đi xã Đức Mạnh, huyện Đắk Mil (DH16)	32.700	13.080	40%	13.080	40%	13.080	40%	19.620	60%	19.620	60%	19.620	60%	29.430	90%	32.700	100%	
1.10	Đường từ quốc lộ 14 qua trung tâm hành chính mới đi tỉnh lộ 683	49.000	29.400	60%	29.400	60%	29.400	60%	29.400	60%	36.750	75%	41.650	85%	44.100	90%	49.000	100%	
VII	HUYỆN CƯ JÚT	67.996																	
1.1	Phân cấp cho địa phương	17.791	17.791	100%															
1.2	Đường GT liên xã Trúc Sơn CưKNia - Đắk Đrông - Nam Dong	3.205	1.923	60,0%	1.923	60%	1.923	60%	2.564	80%	2.885	90%	3.205	100%					
1.3	Đường giao thông xã Nam Dong đi Đắk Đrông - Đắk Wil	4.000	2.400	60,0%	2.400	60%	2.400	60%	3.200	80%	3.600	90%	4.000	100%					
1.4	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường giao thông từ ngã tư Phan Chu Trinh và xã Nam Dong; hạng mục: Nền, mặt đường, hệ thống thoát nước, điện chiếu sáng	5.000	3.000	60,0%	3.000	60%	3.000	60%	4.000	80%	4.500	90%	5.000	100%					
1.5	Đường giao thông liên xã thị trấn EaT'ling-Trúc Sơn-Cư K'nia-Nam Dong	6.000	3.600	60,0%	3.600	60%	3.600	60%	4.800	80%	5.400	90%	6.000	100%					
1.6	Đường giao thông xã Đắk Đrông đi xã Đắk Wil huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông	15.000	9.000	60,0%	9.000	60%	9.000	60%	12.000	80%	13.500	90%	15.000	100%					
1.7	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông liên xã đoạn đi qua khu Trung tâm đô thị Nam Dong; Hạng mục: Nền, mặt đường, hệ thống thoát nước, điện chiếu sáng	17.000	10.200	60,0%	10.200	60%	10.200	60%	13.600	80%	15.300	90%	17.000	100%					
VIII	HUYỆN KRÔNG NÔ	70.147																	
1.1	Phân cấp cho địa phương	15.309	15.309	100%															

STT	Danh mục dự án/ Chủ đầu tư/ Đơn vị quản lý	Kế hoạch vốn năm 2025 (Bao gồm vốn kéo dài năm 2024 sang năm 2025)	Cam kết tiến độ giải ngân kế hoạch vốn được giao đến ngày 31/01/2026																Ghi chú
			Lũy kế đến ngày 30/6/2025		Lũy kế đến ngày 31/7/2025		Lũy kế đến ngày 31/8/2025		Lũy kế đến ngày 30/9/2025		Lũy kế đến ngày 31/10/2025		Lũy kế đến ngày 30/11/2025		Lũy kế đến ngày 31/12/2025		Lũy kế đến ngày 31/01/2026		
			Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	
1.2	Tu sửa cấp thiết, bảo quản định kỳ di tích lịch sử Căn cứ kháng chiến B4 - Liên tỉnh IV (1959-1975) tại Năm Nung, tỉnh Đắk Nông giai đoạn I	3.768	2.901	77%	2.901	77%	3.014	80%	3.768	100%									
1.3	Xây dựng cơ sở vật chất du lịch Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Đắk Nông tại Điểm số 8 (Núi lửa Năm Kar) và Điểm số 10 (cánh đồng lửa ven núi lửa)	2.279	1.595	70%	2.279	100%													
1.4	Hồ Đắk Ri 2, xã Tân Thành, huyện Krông Nô	2.625	1.575	60%	2.625	100%													
1.5	Đường giao thông về xã Buôn Choah	225	225	100%															
1.6	Đường tránh thao trường và đường tái định canh cho hộ gia đình bị giải tỏa xây dựng thao trường tổng hợp của lực lượng vũ trang tỉnh	727	727	100%															
1.7	Đường giao thông từ xã Nam Đà đi xã Đắk Drô, huyện Krông Nô (ĐH65)	1.700	1.700	100%															
1.8	Đường từ xã Đắk Drô đi xã Năm Nung, huyện Krông Nô (ĐH 59)	1.514	1.514	100%															
1.9	Đường vành đai kết nối các xã trong huyện (D10), huyện Krông Nô	4.700	4.700	100%															
1.10	Nâng cấp, sửa chữa, cải tạo đường nội thị trấn Đắk Mâm huyện Krông Nô	700	700	100%															
1.11	Đường giao thông phát triển khu đô thị mới thị trấn Đắk Mâm, huyện Krông Nô	31.601	22.121	70%	23.701	75%	23.701	75%	25.281	80%	25.281	80%	30.021	95%	31.601	100%			
1.12	Đường giao thông từ thị trấn Đắk Mâm đi xã Năm Nung và xã Năm N'Đir, huyện Krông Nô (ĐH57)	5.000	3.500	70%	5.000	100%													
IX	HUYỆN ĐẮK GLONG	104.316																	
1.1	Phân cấp cho địa phương	18.584	18.584	100,0%															
1.2	Nhựa hóa đường giao thông liên xã Đắk R'Mông - Quảng Hòa (Ly trình từ Km0+00 đến Km13+184)	2.000	2.000	100%															
1.3	Trụ sở làm việc HĐND-UBND xã Đắk Som	500	500	100%															
1.4	Trụ sở làm việc HĐND-UBND xã Đắk Ha	4.532	4.532	100%															
1.5	Các trục đường khu Trung tâm Văn hóa - Thương mại huyện Đắk G'Long	27.000	16.200	60%	17.550	65%	18.900	70%	21.600	80%	24.300	90%	27.000	100%					
1.6	Đường giao thông liên xã Đắk Plao - Đắk R'Mông - Đắk Som	51.700	31.020	60%	33.605	65%	36.190	70%	41.360	80%	46.530	90%	51.700	100%					
X	HUYỆN TUY ĐỨC	82.698																	
1.1	Phân cấp cho địa phương	17.384	17.384	100%															
1.2	Đường giao thông liên xã Quảng Tâm - Đắk Buk So	920	920	100%															
1.3	Đường vào xã Đắk Ngo, huyện Tuy Đức (GD 1)	199	199	100%															
1.4	Đường giao thông liên xã Quảng Tân đi xã Đắk Ngo, huyện Tuy Đức (ĐH 91 TD); HM: Xây dựng mới cầu nhịp 9m và đầu tư xây dựng 4,5Km đường.	1.074	1.074	100%															
1.5	Tuyến đường giao thông liên xã Đắk R'tih đi xã Đắk Ngo, huyện Tuy Đức (đoạn từ cầu Suối Đắk R'lấp đầu nối với đường vào xã Đắk Ngo).	1.150	1.150	100%															

STT	Danh mục dự án/ Chủ đầu tư/ Đơn vị quản lý	Kế hoạch vốn năm 2025 (Bao gồm vốn kéo dài năm 2024 sang năm 2025)	Cam kết tiến độ giải ngân kế hoạch vốn được giao đến ngày 31/01/2026																Ghi chú
			Lũy kế đến ngày 30/6/2025		Lũy kế đến ngày 31/7/2025		Lũy kế đến ngày 31/8/2025		Lũy kế đến ngày 30/9/2025		Lũy kế đến ngày 31/10/2025		Lũy kế đến ngày 30/11/2025		Lũy kế đến ngày 31/12/2025		Lũy kế đến ngày 31/01/2026		
			Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	
1.6	Đường giao thông từ huyện Tuy Đức đi huyện Đắk R'Lấp, tỉnh Đắk Nông (đoạn từ cầu Đắk Loan đi cầu Đắk Nguyên) - Trục D3	4.000	4.000	100%															
1.7	Đường giao thông liên xã Đắk Ru - huyện Đắk R'Lấp đi xã Đắk Ngo, huyện Tuy Đức (đoạn từ Trung đoàn 720 đi ngã ba Trung Vân)	2.604	2.604	100%															
1.8	Nâng cấp, mở rộng Trụ sở làm việc HĐND-UBND huyện Tuy Đức; Hạng mục: Nhà hội trường, phòng họp trực tuyến, trang thiết bị	1.064	1.064	100%															
1.9	Trụ sở làm việc HĐND - UBND - xã Quảng Tân	1.700	1.700	100%															
1.10	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường giao thông liên xã Đắk R'Thì và Quảng Tân, huyện Tuy Đức đi xã Đắk Wer, huyện Đắk R'Lấp	3,094	3,094	100%															
1.11	Hồ Đắk R'tan, xã Đắk R'Thì, huyện Tuy Đức	43.600	26.160	60%	30.520	70%	30.520	70%	34.880	80%	37.060	85%	39.240	90%	43.600	100%			
1.12	Đường vào xã Đắk Ngo, huyện Tuy Đức (giai đoạn 2)	9.000	5.400	60%	6.300	70%	6.300	70%	7.200	80%	7.650	85%	8.100	90%	9.000	100%			
XI	HUYỆN ĐẮK R'LẤP	339.127																	
1.1	Phân cấp cho địa phương	17.116	17.116	100%															
1.2	Trường THPT Nguyễn Đình Chiểu, xã Đắk Ru, huyện Đắk R'Lấp (Giai đoạn 2)	538	538	100%															
1.3	Đường giao thông liên xã Quảng Tín - Đắk Ngo huyện Tuy Đức	1.000	1.000	100%															
1.4	Nâng cấp, mở rộng đường Lê Hữu Trác, thị trấn Kiến Đức đi xã Quảng Tân, huyện Tuy Đức	4.200	2.520	60%	2.520	60%	2.520	60%	3.360	80%	3.570	85%	3.780	90%	4.200	100%			
1.5	Nâng cấp, mở rộng đường Phan Chu Trinh thị trấn Kiến Đức đi thôn 8 xã Kiến Thành	3.500	2.800	80,0%	3.150	90%	3.500	100%											
1.6	Nâng cấp, mở rộng đường từ trung tâm xã Nhân Đạo đi đường Đạo Nghĩa - Quảng Khê	2.637	2.110	80,0%	2.373	90%	2.637	100%											
1.7	Đường giao thông trung tâm xã Nghĩa Thắng đi thôn Quảng Phước, xã Đạo Nghĩa	2.500	2.000	80,0%	2.250	90%	2.500	100%											
1.8	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông liên xã Quảng Tín đi Đắk Sin (Đoạn từ Km208-QL14 đi Đắk Sin)	3.563	2.850	80,0%	3.207	90%	3.563	100%											
1.9	Dự án thành phần 4: bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đoạn qua tỉnh Đắk Nông	217.500	87.000	40,0%	108.750	50%	130.500	60%	152.250	70%	174.000	80%	195.750	90%	206.625	95%	217.500	100%	
1.10	Trụ sở làm việc Đảng ủy - HĐND - UBND - UBMTTQVN xã Đắk Wer	1.811	1.811	100%															
1.11	Trụ sở làm việc Đảng ủy - HĐND - UBND - UBMTTQVN xã Quảng Tín	2.110	2.110	100%															
1.12	Trụ sở làm việc Đảng ủy - HĐND - UBND - UBMTTQVN xã Đạo Nghĩa	3.322	3.322	100%															
1.13	Đường giao thông từ Quốc lộ 14 đi tỉnh lộ 681, huyện Đắk R'Lấp	45.330	27.198	60,0%	31.731	70%	36.264	80%	40.797	90%	43.064	95%	45.330	100%					
1.14	Đường giao thông từ tỉnh lộ 681 đi thị trấn Kiến Đức qua các xã Kiến Thành - Đắk Wer - Nhân Cơ, huyện Đắk R'lấp	34.000	20.400	60,0%	23.800	70%	27.200	80%	30.600	90%	32.300	95%	34.000	100%					
XII	SỐ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG	72.544																	
1.1	Dự án phát triển lâm nghiệp để cải thiện đời sống vùng tây nguyên (PLITCH)	1.663	665	40%	665	40%	665	40%	998	60%	998	60%	998	60%	1.663	100%			

STT	Dan h mục dự án/ Chủ đầu tư/ Đơn vị quản lý	Kế hoạch vốn năm 2025 (Bao gồm vốn kéo dài năm 2024 sang năm 2025)	Cam kết tiến độ giải ngân kế hoạch vốn được giao đến ngày 31/01/2026																Ghi chú
			Lũy kế đến ngày 30/6/2025		Lũy kế đến ngày 31/7/2025		Lũy kế đến ngày 31/8/2025		Lũy kế đến ngày 30/9/2025		Lũy kế đến ngày 31/10/2025		Lũy kế đến ngày 30/11/2025		Lũy kế đến ngày 31/12/2025		Lũy kế đến ngày 31/01/2026		
			Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	
1.2	Dự án Xây dựng 10 trạm quản lý bảo vệ rừng tại các ban quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng	1.500	600	40%	600	40%	600	40%	900	60%	900	60%	900	60%	1.500	100%			
1.3	Đường giao thông nội vùng trung tâm cụm xã Năm Nung thuộc Phương án bố trí xen ghép dân di cư tự do vào Bon R'Cap, xã Năm Nung, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông	30	30	100%															
1.4	Đường giao thông nội vùng và san ủi mặt bằng tại điểm bố trí dân cư xen ghép thuộc Phương án bố trí xen ghép dân di cư tự do vào thôn Phú Vinh, xã Quảng Phú, huyện Krông Nô	9	9	100%															
1.5	Đường giao thông từ thôn M'rang đi bon Mê Ra, xã Quảng Tân, huyện Tuy Đức thuộc dự án ổn định dân di cư tự do xã Quảng Tân, huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông	721	433	60%	433	60%	433	60%	649	90%	721	100%							
1.6	Dự án cấp bách sắp xếp, ổn định dân di cư tự do, ổn định an ninh chính trị khu vực biên giới xã Quảng Trục và xã Đắk Ngo, huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông (GD1)	2.932	1.759	60%	1.759	60%	1.759	60%	2.639	90%	2.639	90%	2.639	90%	2.932	100%			
1.7	Tăng cường khả năng chống chịu của nông nghiệp quy mô nhỏ với an ninh nguồn nước do biến đổi khí hậu khu vực Tây Nguyên và Nam Trung Bộ - tỉnh Đắk Nông (SACCR - tỉnh Đắk Nông)	10.121	4.048	40%	4.048	40%	4.048	40%	6.073	60%	6.073	60%	7.591	75%	9.109	90%	10.121	100%	
1.8	Tăng cường khả năng chống chịu của nông nghiệp quy mô nhỏ với an ninh nguồn nước do biến đổi khí hậu khu vực Tây Nguyên và Nam Trung Bộ, tỉnh Đắk Nông	52.999	4.048	40,0%	4.048	40%	4.048	40%	6.073	60%	6.073	60%	7.591	75%	9.109	90%	10.121	100%	
1.9	Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Nông	569	569	100%															
1.10	Xây dựng Trụ sở và kho lưu trữ Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh	2.000	2.000	100%															
XIII	BAN QL CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TỈNH ĐẮK NÔNG	1.504.682																	
1.1	Công trình thủy lợi suối đá xã Quảng Hòa, huyện Đắk Gl'ong	3.799	3.799	100%															
1.2	Nâng cấp, sửa chữa đường tỉnh lộ 1	581	581	100%															
1.3	Trường cao đẳng cộng đồng tỉnh Đắk Nông	10.000															10.000	100%	
1.4	Nâng cấp, sửa chữa Trung tâm y tế huyện Đắk Song	10.263	8.724	85%	8.724	85%	8.724	85%	8.724	85%	8.724	85%	8.724	85%	8.724	85%	10.263	100%	
1.5	Khu liên hợp Bảo tàng, Thư viện và công viên tỉnh Đắk Nông	14.140	9.898	70%	11.312	80%	14.140	100%											
1.6	Ổn định dân cư biên giới xã Quảng Trục, huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông (giai đoạn 2)	1.834	1.834	100%															
1.7	Kê bảo vệ dân cư và vùng trọng điểm sản xuất lương thực dọc sông Krông Nô (giai đoạn 2)	350	280	80%	280	80%	280	80%	280	80%	280	80%	280	80%	350	100%			
1.8	Cụm công trình Thủy lợi Gia Nghĩa, thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông	8.892	8.892	100%															
1.9	Dự án Cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia tỉnh Đắk Nông, giai đoạn 2014 - 2020	600	600	100%															
1.10	Nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn nước từ các công trình thủy lợi trên địa bàn huyện Cư Jút tỉnh Đắk Nông	145.289	58.116	40%	58.116	40%	65.380	45%	69.739	48%	84.268	58%	108.967	75%	124.949	86%	145.289	100%	
1.11	Nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn nước từ các công trình thủy lợi trên địa bàn huyện Đắk Mít tỉnh Đắk Nông	120.887	48.355	40%	48.355	40%	54.399	45%	58.026	48%	70.114	58%	90.665	75%	103.963	86%	120.887	100%	
1.12	Hồ chứa nước Nam Xuân, tỉnh Đắk Nông	771															771	100%	

STT	Danh mục dự án/ Chủ đầu tư/ Đơn vị quản lý	Kế hoạch vốn năm 2025 (Bao gồm vốn kéo dài năm 2024 sang năm 2025)	Cam kết tiến độ giải ngân kế hoạch vốn được giao đến ngày 31/01/2026																Ghi chú
			Lũy kế đến ngày 30/6/2025		Lũy kế đến ngày 31/7/2025		Lũy kế đến ngày 31/8/2025		Lũy kế đến ngày 30/9/2025		Lũy kế đến ngày 31/10/2025		Lũy kế đến ngày 30/11/2025		Lũy kế đến ngày 31/12/2025		Lũy kế đến ngày 31/01/2026		
			Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	
1.13	Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư cho Cụm công trình thủy lợi Gia Nghĩa (khu tái định cư B)	822	822	100%															
1.14	Đường giao thông từ thôn 1 vào vùng đồng bào dân tộc Mông thôn 5 tầng, xã Đắk R'La, huyện Đắk Mil đến xã Cư K'nia, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông	4.000	4.000	100%															
1.15	Hạ tầng kỹ thuật kết nối khu vực đồi Đắk Nur	6.100								4.270	70%	4.880	80%	6.100	100%				
1.16	Dự án thành phần 2: đầu tư xây dựng đường gom, cầu vượt ngang đoạn qua tỉnh Đắk Nông	32.500	13.000	40%	13.000	40%	13.000	40%	32.500	100%									
1.17	Nâng cấp bệnh viện đa khoa tỉnh Đắk Nông	270.390	162.234	60%	175.754	65%	202.793	75%	219.016	81%	229.832	85%	229.832	85%	256.871	95%	270.390	100%	
1.18	Hồ suối 38, tỉnh Đắk Nông	30.288	12.115	40%	12.115	40%	12.115	40%	18.173	60%	21.202	70%	24.230	80%	30.288	100%			
1.19	Đường Đạo Nghĩa - Quảng Khê (giai đoạn 2)	285.387	114.155	40%	114.155	40%	114.155	40%	171.232	60%	199.771	70%	222.602	78%	276.825	97%	285.387	100%	
1.20	Cải tạo, nâng cấp Tỉnh lộ 2	100.197	75.148	75%	89.175	89%	90.177	90%	90.177	90%	90.177	90%	90.177	90%	90.177	90%	100.197	100%	
1.21	Cải tạo, nâng cấp Tỉnh lộ 3	113.694	85.271	75%	96.640	85%	96.640	85%	96.640	85%	96.640	85%	96.640	85%	102.325	85%	113.694	100%	
1.22	Cải tạo, nâng cấp cục bộ Tỉnh lộ 5	85.372	59.760	70%	64.029	75%	68.298	80%	75.127	88%	81.103	95%	85.372	100%					
1.23	Cải tạo, nâng cấp Tỉnh lộ 1	117.768	47.107	40%	52.996	45%	62.417	53%	78.905	67%	88.326	75%	100.103	85%	111.880	95%	117.768	100%	
1.24	Quảng trường trung tâm thành phố Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông	140.758	80.232	57%	90.085	64%	105.569	75%	119.644	85%	126.682	90%	133.720	95%	140.758	100%			
XIV	SỞ Y TẾ	16.727																	
1.1	Mua sắm Trang thiết bị y tế cho các Bệnh viện đa khoa Cư Jút, Krông Nô và Đắk Glong	26	26	100%															
1.2	Trạm Y tế xã Đắk Đrông, huyện Cư Jút	26	26	100%															
1.3	Trạm y tế xã Đắk Song, huyện Đắk Song (nay là xã Nam Bình)	13	13	100%															
1.4	Trạm Y tế phường Nghĩa Tân, thị xã Gia Nghĩa	51	51	100%															
1.5	Trạm Y tế xã Quảng Phú, huyện Krông Nô	17	17	100%															
1.6	Trạm y tế xã Đắk R'Tiê, huyện Đắk R'Lấp	18	18	100%															
1.7	Trạm y tế xã Đắk Som, huyện Đắk Glong	14	14	100%															
1.8	Nâng cấp sửa chữa hệ thống khí y tế, thang máy BVĐK tỉnh Đắk nông	10	10	100%															
1.9	Trạm Y tế xã Đắk Sôr, huyện Krông Nô	24	24	100%															
1.10	Trạm y tế xã Quảng Khê, huyện Đắk Glong	16	16	100%															
1.11	Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn tỉnh Đắk Nông	16.414	9.848	60%	10.669	65%	11.490	70%	12.311	75%	13.131	80%	14.773	90%	16.414	100%			
1.12	Mở rộng Trụ sở làm việc Sở Y tế	98	98	100%															
XV	SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	4.492																	
1.1	Xây dựng Hội trường, bể bơi Trường THPT Chuyên Nguyễn Chí Thanh	965	965	100%															
1.2	Xây dựng Nhà đa chức năng, nhà bảo vệ và hạ tầng kỹ thuật Trung tâm hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập tỉnh Đắk Nông	2.399	1.439	60%	1.679	70%	1.919	80%	2.399	100%									
1.3	Xây dựng nhà bộ môn, nhà đa năng, cải tạo khối phòng học 02 tầng thành nhà thư viện, khu giáo dục thể chất và hạ tầng kỹ thuật Trường THPT Lê Duẩn, huyện Đắk Glong	1.128	1.128	100%															

STT	Danh mục dự án/ Chủ đầu tư/ Đơn vị quản lý	Kế hoạch vốn năm 2025 (Bao gồm vốn kéo dài năm 2024 sang năm 2025)	Cam kết tiến độ giải ngân kế hoạch vốn được giao đến ngày 31/01/2026																Ghi chú
			Lũy kế đến ngày 30/6/2025		Lũy kế đến ngày 31/7/2025		Lũy kế đến ngày 31/8/2025		Lũy kế đến ngày 30/9/2025		Lũy kế đến ngày 31/10/2025		Lũy kế đến ngày 30/11/2025		Lũy kế đến ngày 31/12/2025		Lũy kế đến ngày 31/01/2026		
			Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	
XVI	SỞ TÀI CHÍNH	6.945																	
1.1	Lập nhiệm vụ Quy hoạch tỉnh Đắk Nông thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050	6.245	3.747	60%	4.996	80%	6.245	100%											
1.2	Nâng cấp, cải tạo khuôn viên, hạ tầng kỹ thuật trụ sở làm việc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Nông	700	700	100%															
XVII	SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH	1.959																	
1.1	Hệ thống cấp nước thiên nhiên Đạo Nguyên thuộc khu du lịch sinh thái văn hóa, lịch sử Năm Nung, xã Nam N'Jang, huyện Đắk Song	10	10	100%															
1.2	Hệ thống cấp điện thuộc dự án Quy hoạch khu du lịch sinh thái-văn hóa-lịch sử Năm Nung, xã Năm N'Jang, huyện Đắk Song	126	126	100%															
1.3	Sửa chữa Trung tâm Văn hóa tỉnh Đắk Nông; hạng mục: Khối quản lý và học nghiệp vụ, khối câu lạc bộ, triển lãm, công, tường rào, điện ngoài nhà	1.062	1.062	100%															
1.4	Chống xuống cấp tu bổ di tích địa điểm lưu niệm N'Trang Gư, xã Buôn Choaoh, huyện Krông Nô; hạng mục: Nhà Bia tưởng niệm và hạ tầng kỹ thuật	241	241	100%															
1.5	Tu bổ, phục dựng di tích lịch sử Ngục Đắk Mil (giai đoạn 1)	232	232	100%															
1.6	Trụ sở làm việc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Đắk Nông, hạng mục bổ sung: Phòng họp, phòng làm việc, gara xe	20	20	100%															
1.7	Nhà luyện tập và thi đấu đa năng tỉnh Đắk Nông	268	268	100%															
XVIII	SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	13.013																	
1.1	Xây dựng Chính quyền điện tử hướng đến Chính quyền số và đô thị thông minh tỉnh Đắk Nông	13.000	13.000	100%															
1.2	Nâng cao năng lực cho Trung tâm thông tin, ứng dụng khoa học công nghệ tỉnh Đắk Nông	13	13	100%															
XIX	VĂN PHÒNG UBND TỈNH	5.000																	
1.1	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc UBND tỉnh Đắk Nông	5000	5.000	100%															
XX	VĂN PHÒNG TỈNH ỦY	406																	
1.1	Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp một số hạng mục thuộc dự án Trụ sở làm việc Tỉnh ủy Đắk Nông	406	406	100%															
XXI	THANH TRA TỈNH	600																	
1.1	Sửa chữa trụ sở làm việc Thanh tra tỉnh Đắk Nông	600	500	83,3%	500	83,3%	500	83,3%	600	100%									
XXII	ĐÀI PTTH TỈNH	17.038																	
1.1	Đầu tư hệ thống thiết bị sản xuất, phát sóng chương trình phát thanh, hệ thống thiết bị và phần mềm truyền thông hội tụ	1489	1.489	100%															
1.2	Dự án Đầu tư mua sắm trang thiết bị thuộc Đài phát thanh truyền hình tỉnh Đắk Nông, giai đoạn 1	1.549	1.549	100%															
1.3	Đầu tư mua sắm thiết bị thuộc Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Đắk Nông (giai đoạn 2)	14.000	8.400	60,0%	9.800	70%	11.200	80%	11.200	80%	14.000	100%							
XXIII	TRƯỜNG CAO ĐẲNG CỘNG ĐỒNG	500																	
1.1	Sửa chữa, cải tạo cơ sở hạ tầng cơ sở 2 - Trường Cao đẳng Cộng đồng Đắk Nông	500	500	100%															
XXIV	CÔNG TY KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI	14.031																	

STT	Danh mục dự án/ Chủ đầu tư/ Đơn vị quản lý	Kế hoạch vốn năm 2025 (Bao gồm vốn kéo dài năm 2024 sang năm 2025)	Cam kết tiến độ giải ngân kế hoạch vốn được giao đến ngày 31/01/2026														Ghi chú		
			Lũy kế đến ngày 30/6/2025		Lũy kế đến ngày 31/7/2025		Lũy kế đến ngày 31/8/2025		Lũy kế đến ngày 30/9/2025		Lũy kế đến ngày 31/10/2025		Lũy kế đến ngày 30/11/2025		Lũy kế đến ngày 31/12/2025			Lũy kế đến ngày 31/01/2026	
			Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)		Giá trị	Tỷ lệ (%)
1.1	Sửa chữa cấp bách công trình Hồ Đắc Ru II (Hạng mục: Đập đất, tràn xả lũ)	15	15	100%															
1.2	Sửa chữa cấp bách công trình Hồ Đắc B'Lao (Hạng mục: Đập đất, tràn xả lũ)	4	4	100%															
1.3	Dự án Kè chống sạt lở sông Đắc Nang, thôn Phú Tân, xã Đắc Nang, huyện Krông Nô, tỉnh Đắc Nông (Hạng mục: Kè chống sạt lở)	999	999	100%															
1.4	Sửa chữa cấp bách công trình Hồ Đô Ry 1 (Hạng mục: Đập đất, tràn xả lũ)	4	4	100%															
1.5	Sửa chữa, nâng cấp công trình thủy lợi Đắc Blung, xã Đắc Buk So, huyện Tuy Đức	8.009	4.805	60%	6.407	80%	8.009	100%											
1.6	Sửa chữa, nâng cấp hồ Đắc Láp, xã Đắc Gắn, huyện Đắc Mil	5.000	3.000	60%	4.000	80%	5.000	100%											
XXV	SỞ TƯ PHÁP	390																	
1.1	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở làm việc Sở Tư pháp tỉnh Đắc Nông	390	390	100%															
XXVI	BAN TUYẾN GIÁO VÀ DẪN VẬN TỈNH ỦY	288																	
1.1	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Đắc Nông	288	288	100%															
XXVII	BAN TỔ CHỨC TỈNH ỦY	200																	
1.1	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Ban Tổ chức Tỉnh ủy Đắc Nông	200	200	100%															
XXVIII	ĐOÀN TNCS HCM TỈNH	9.076																	
1.1	Công viên hoa Thanh niên và Khu vui chơi, giải trí thanh thiếu nhi tỉnh Đắc Nông	9.076	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	9.076	100%			
XXIX	TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH	2.993																	
1.1	Trường chính trị tỉnh Đắc Nông: Hạng mục san nền, kê đá (phần còn lại), cấp nước ngoài nhà, thoát nước tổng thể	2.993	2.993	100%															
XXX	KHU BẢO TỒN THIÊN NHIÊN NAM NUNG	1.754																	
1.1	Nâng cấp đường tuần tra quản lý bảo vệ rừng kết hợp du lịch sinh thái Khu bảo tồn thiên nhiên Nam Nung tỉnh Đắc Nông	1.754	1.754	100%															